

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2025/HS-PT
Ngày 08 tháng 9 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi D - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 566/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, (tên gọi khác: Quách Đình V) sinh năm 1966 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1937; bị cáo chung sống như vợ chồng với Đặng Thị Thu Y (là bị cáo trong vụ án) và có 01 người con nuôi sinh năm 2007; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2014/HS-ST ngày 20/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xử phạt bị cáo T 09 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự:

Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/HSST ngày 20/4/1988, Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An xử phạt bị cáo T 12 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; ngày 01/8/1988 bị cáo trốn trại. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/HSST ngày 24/3/1989, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về “Tội chiếm đoạt vũ khí quân dụng”; 12 năm tù về “Tội giết người”; 05 năm tù về “Tội cướp tài sản công dân”; 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản công dân”; 18 tháng tù về “Tội trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 05 tội là 20 năm tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 08/HSST và Bản án số 20/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 năm tù. Ngày 20/02/1990, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về “Tội trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt là 20 năm tù; bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù của các bản án và được xoá án tích. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/HSST ngày 11/9/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm 10 tháng 20 ngày tù về các tội “Cướp tài sản; Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử; Trốn khỏi nơi giam; Giết người; Cướp tài sản; Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/HSST ngày 28/11/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giam: Ngày 18/3/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Bá T1 là Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Đặng Thị Thu Y, Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Đặng Thị Thu Y sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 16/3/2024, T và Y đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản ở các tỉnh Long An, Ninh Thuận và Đắk Nông như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ, ngày 10/01/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát (BKS) 62M1-769.54, mang theo kìm cộng lực, tua vít đi đến cửa hàng điện thoại di động (ĐTĐĐ) của ông Bùi Văn T2, trú tại Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Long An, tháo vách tôn vào nhà trộm cắp 51.000.000 đồng; 94 card điện thoại các loại (62 card mệnh giá 50.000 đồng, 32 card mệnh giá 100.000 đồng); 28 chiếc vòng vàng (nữ trang). trọng lượng 1,4938 gam; 01 nhẫn vàng đính hột xoàn, trọng lượng 10,620 gam. 01 nhẫn vàng đính đá, trọng lượng 6,587 gam; 55 điện thoại di động các loại. 01 máy

tính bảng; 15 cục sạc điện thoại, bỏ vào cốp xe mô tô đi về nhà. Ngày 11/01/2024, T chở Y đến nhà Trần Yên D1, trú tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (con của Y), T lấy 55 điện thoại, máy tính, cục sạc và 01 xấp card điện thoại đưa cho D1 tìm chỗ bán (Thành nói tài sản mới mua hàng thanh lý), rồi chở Y quay về nhà ở huyện C, tỉnh Long An. Sau đó, D1 đưa điện thoại nhờ Phạm Ngọc N (sống như vợ chồng với D1) bán, D1 nói tài sản thanh lý, bán giá rẻ. N điện thoại cho Vũ Văn Q, trú tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nói có điện thoại bán, Q đến mua 55 điện thoại, 15 cục sạc với giá 102.000.000 đồng. D1 bán cho Nguyễn Tấn T3, trú tại phường M, thị xã P 01 xấp card, không đếm số lượng, với giá 2.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền. N lấy 62 card điện thoại do D1 đưa bán cho Phan Việt T4, trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với giá 2.600.000 đồng. T4 đưa cho Đặng Thị Kim L (vợ T4) bán 15 card, còn lại 47 card thì N cho Huỳnh Thanh P, trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 03 card, mệnh giá 100.000 đồng; P cho Nguyễn Minh T5, trú tại xã H, thành phố B: 01 card; cho Võ Duy T6, trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 02 card. Ngày 13/01/2024, N cho R, N1, P1, T7, H1 (không rõ nhân thân, lai lịch), mỗi người 01 card. Ngày 14/01/2024, D1 đưa cho N 02 điện thoại Iphone, 01 máy tính bảng, bán cho Q được 9.000.000 đồng. Chiều ngày 14/01/2024, Nguyễn Tấn T3 đưa 24 card cho bà Lê Thị T8 (mẹ của T3) bán cho Nguyễn Công Đ, trú tại phường M, thị xã P với giá 1.680.000 đồng, Đ cho T8 350.000 đồng và bán cho 02 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) 02 card 180.000 đồng, còn lại 22 card sử dụng chơi game. Số tiền bán được tài sản thì D1 và N đưa cho T 15.000.000 đồng, số tiền còn lại đã trả lại cho những người đã mua tài sản sau khi bị phát hiện. Ngày 15/01/2024, T mang 28 vòng vàng, 02 nhẫn vàng đến khu vực Chợ ở Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bán được 47.000.000 đồng. Ngày 19/01/2024, T đến cửa hàng mua bán xe máy, do anh Huỳnh Tấn P2, trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An bán xe mô tô BKS 62M1-769.54, với số tiền 20.500.000 đồng; đổi xe mô tô BKS 62N1-296.49 lấy xe mô tô BKS 62M1-171.14. Sau đó, đổi xe mô tô BKS 62M1-171.14 lấy xe mô tô BKS 81U1-285.87 cho bà Đặng Thị L1, trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. T chở Y đến đặt cọc 45.000.000 đồng, mua thửa đất của ông Lò Quang S, trú tại thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tổng số tiền và tài sản mà T trộm cắp của ông T5 là: 253.832.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/3/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS 81U1-285.87 chở Đặng Thị Thu Y, đi từ thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận đến tỉnh Lâm Đồng. Khi đi đến cửa hàng điện thoại của ông Thái Ngọc T9, trú tại thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, T dùng kim, tua vít và con đội (chuẩn bị từ trước) đến khu vực cửa cuốn, dùng con đội nâng cửa lên, rồi đột nhập vào nhà lấy trộm 59 điện thoại di động: 9.000.000 đồng và nhiều card điện thoại các loại có trị giá 2.180.000 đồng. Sau khi trộm được tài sản, T, Y bán điện thoại trộm cắp được cho người đi

đường và bán cho các cá nhân, cụ thể: Bán 01 điện thoại Vivo, giá 1.700.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T10, trú tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ông T10 bán lại cho bà Nguyễn Thị Thu V1, trú tại ấp P, xã H, huyện X với giá 3.000.000 đồng; bán 01 điện thoại Sam Sung A055, giá 1.000.000 đồng cho bà Vũ Thị Anh X, trú tại ấp P, xã H, huyện X; bà X bán lại cho ông Lê Văn T11, trú tại ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, giá 2.500.000 đồng. Thành, Y đã bán 58 điện thoại các loại được khoảng 50.000.000 đồng, để lại 01 điện thoại Oppo sử dụng và bị thu giữ khi bị bắt. Tổng số tiền và tài sản mà T và Y đã trộm cắp của ông T9 là: 135.870.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 15/3/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô có biển số BKS 81U1-285.87 chở Đặng Thị Thu Y đi từ xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông đến khu vực Chợ xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp tài sản. Thành quan sát và phát hiện tiệm vàng Kim Ngọc H2 do ông Lâm Trí H3, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, có hệ thống cửa cuốn dễ đột nhập. Sau đó, T đi ra khu vực rẫy mắc võng nằm ngủ. Đến 00 giờ, ngày 16/3/2024, T chở Y đến trước tiệm V2 giao xe cho Y. Thành lấy bật che một phần cửa cuốn, chỉnh hướng camera gắn trên cửa, dùng xà beng nạy tạo khe hở, đặt kích nâng cửa chui vào trong nhà, rút điện camera. Thành dùng tua vít, kìm nạy tủ trưng bày vàng, lấy nhiều đồ trang sức như nhẫn, dây chuyền, bông tai bỏ vào túi xách đi ra ngoài, rồi gọi điện cho Y đến đón. Sau đó, về nhà rẫy ở xã N, huyện K thay đồ, đón xe khách về Thành phố Hồ Chí Minh bán tài sản trộm cắp. Thành, Y đến các tiệm vàng ở Chợ T thuộc Quận A; Chợ H4 thuộc Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh bán vàng, tổng số tiền bán được là 580.000.000 đồng. Khoảng 11 giờ ngày 17/3/2024, T và Y đón xe khách đến huyện T, tỉnh Bình Thuận thuê Nhà nghỉ M thuộc thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận để nghỉ. Đến 00 giờ ngày 18/3/2024, lực lượng Công an tỉnh Đ phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Tổng giá trị tài sản mà T và Y trộm cắp của ông H3 là: 3.160.231.926 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 19 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị Thu Y, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/6/2025, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phan Văn T12 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án 19 năm tù là quá nặng, đã tác động tới gia đình khắc phục một phần hậu quả.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, cần phải xử lý nghiêm. Bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân rất xấu. Mức án 19 năm tù đối với bị cáo là thỏa đáng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày quan điểm: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Mặc dù bị cáo có nhân thân xấu nhưng ở lần phạm tội này, sau khi bị khởi tố, bị cáo đã tác động tới gia đình để khắc phục gần như toàn bộ thiệt hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo sinh năm 1966, cho tới thời điểm xét xử phúc thẩm cũng đã gần 60 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm án để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T được nộp trong hạn luật định; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Bị cáo Nguyễn Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Tối ngày 10/01/2024, bị cáo T lén lút vào nhà của gia đình ông Bùi Văn T2 tại Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Long An để thực hiện trộm cắp 51.000.000

đồng, 94 card điện thoại, 28 chiếc vòng vàng có trọng lượng 1,4938 gam, 01 nhẫn vàng, trọng lượng 10,620 gam, 01 nhẫn vàng có trọng lượng 6,587 gam, 55 điện thoại di động các loại, 01 máy tính bảng, 15 cục sạc điện thoại; tổng giá trị tài sản là 253.832.000 đồng.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/03/2024, bị cáo T và bị cáo Đặng Thị Thu Y cạy cửa trộm cắp 59 điện thoại di động các loại, 9.000.000 đồng và card điện thoại trị giá 2.180.000 đồng của gia đình ông Thái Ngọc T9 ở thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, tổng giá trị tài sản là 135.870.000 đồng.

Khoảng 00 giờ ngày 16/3/2024, bị cáo T và bị cáo Đặng Thị Thu Y cạy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp vòng, dây chuyền, nhẫn vàng các loại tại cửa hàng kinh doanh vàng của gia đình ông Lâm Trí H3 tại thôn Q xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.160.231.926 đồng. Tổng giá trị tài sản của 03 lần trộm cắp là 3.549.933.926 đồng.

Với hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo Nguyễn Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án 19 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội, đồng thời bị cáo cũng đã tác động đến gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ba gia đình với giá trị 3.549.933.926 đồng là thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 với mức hình phạt quy định từ 12 năm đến 20 năm tù.

Bị cáo T được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 và bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra xác định bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, nhiều năm thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản và bị xét xử qua nhiều bản án khác nhau, lẽ ra cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét theo hướng bất lợi cho bị cáo. Mặt khác, ở lần phạm tội này, ngoài tình tiết tái phạm nguy hiểm, bị cáo T còn có nhân thân rất xấu, cụ thể là từ năm 1988 đến năm 2025, bị cáo liên tục bị Tòa án xét xử về nhiều hành vi phạm tội khác nhau như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, giết người, chiếm đoạt vũ khí quân dụng, trốn khỏi nơi giam. Sau nhiều lần phạm tội và bị xử phạt nhưng bị cáo không có ý thức cải tạo bản thân để trở thành công dân tốt cho xã hội mà trái lại, bị cáo liên tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu, tính mạng, sức khỏe của người khác là

thể hiện thái độ bất chấp, coi thường pháp luật và không thể cải tạo được. Lẽ ra phải xử phạt bị cáo ở mức cao nhất của khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì bị cáo bị áp dụng tới 03 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị tăng hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, giữ nguyên hình phạt 19 năm tù là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 19 (mười chín) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP. HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam số 02 - Lâm Đồng;
- Bị cáo bị tạm giam;
- Lưu VT; HSVA - NTCL.

Ngô Mạnh Cường